

## Jobs 2

### 职位 二

#### zhí wèi èr

#### 1. Advertising representative

##### 广告代表

#### guǎng gào dài biǎo

#### 2. Architect

##### 建筑师

#### jiàn zhù shī

#### 3. Bartender

##### 酒保

#### jiǔ bǎo

4. Bus driver

公共汽车司机

gōng gòng qì chē sī jī

5. Carpenter

木匠

mù jiāng

6. Computer programmer

计算机程序员

jì suàn jī chéng xù yuán

7. Cook

厨师

chú shī

## 8. Courier

快递员

sù dì yuán

## 9. Editor

编辑

biān jī

## 10. Engineer

工程师

gōng chéng shī

## 11. Factory worker

工人

gōng ren

12. Financial analyst

金融分析师

jīn róng fēn xī shī

13. Landlord

房东

fáng dōng

14. Mechanic

技工

jì gōng

15. Painter

画家

huà jiā

16. Plumber

水管工

shuǐ guǎn gōng

17. Salesperson

销售人员

xiāo shòu rén yuán

18. Spokesperson

发言人

fā yán rén

19. Teacher

老师

lǎo shī

20. Waiter

服务员

fú wù yuán

Copyright© Langhub.com – Learn Chinese. No part of this text can be reused for profit.